

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số:18/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 12/8/2020

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các thẩm phán:- Ông Nguyễn Minh Tân

- Ông Nguyễn Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy- Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2020/HNGĐ-PT ngày 10 tháng 6 năm 2020 về việc “ *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”. Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2020/HNGĐ-ST ngày 17/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện K bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2020/QĐXX- PT ngày 13 tháng 7 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn : Chị Trần Thị T, sinh năm 1986.

ĐKHKTT :Thôn L, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Hiện trú tại : Thôn G, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn : Anh Lương Văn C, sinh năm 1981.

Nơi ĐKHTT và trú tại : Thôn L, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương.

3. Người kháng cáo: Anh Lương Văn C – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*** Về quan hệ hôn nhân:**

Theo Nguyên đơn chị T trình bày: chị và anh C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 23/3/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ mâu thuẫn giữa chị và mẹ chồng. Anh C luôn nghe lời mẹ, không hiểu và thông cảm cho chị dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, cuộc sống luôn căng thẳng. Tháng 12/2019 chị đã bỏ về gia đình đẻ ở thôn G, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương sinh

sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Theo bị đơn anh C trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị T trình bày là đúng. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do chị T và mẹ chồng luôn bất đồng, thường xảy ra cãi nhau, chị T có những lời nói không đúng mực với mẹ anh. Anh đã Nều lần khuyên bảo nhưng chị T không nghe mà luôn cho rằng anh bên mẹ, không hiểu và quan tâm đến chị. Từ đó tình cảm vợ chồng sống xa cách, có lần anh đã tát chị, chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 12/2019. Sau khi chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở, anh đã nhiều lần sang động viên, khuyên bảo để chị T về đoàn tụ, nhưng chị T kiên quyết không về và làm đơn ly hôn anh. Nay anh xác định nếu chị T kiên quyết xin ly hôn, anh cũng đồng ý.

* Về quan hệ con chung: Chị T và anh C có hai con chung là cháu Lương Thị Yến N, sinh ngày 19/10/2007 và cháu Lương Tuấn A, sinh ngày 10/12/2009. Ly hôn chị T có quan điểm được nuôi cháu Yến N, còn anh C nuôi cháu Tuấn A, hai bên không phải cấp dưỡng cho nhau. Quan điểm của anh C được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

* Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh C cùng xác định không có, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2020/HNGĐ-ST ngày 17/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện K đã áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị T, cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Lương Văn C.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Lương Thị Yến N, sinh ngày 19/10/2007 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc từ tháng 4/2020 đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Giao cháu Lương Tuấn A, sinh ngày 10/12/2009 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc từ tháng 4/2020 đến khi cháu Tuấn A đủ 18 tuổi. Chị T, anh C đều tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/4/2020 anh C kháng cáo về phần con chung, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giao cho anh nuôi cả 2 con chung, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh C vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Chị T có quan điểm không đồng ý với nội dung kháng cáo của anh C, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Mặc dù cháu N có nguyện vọng ở với bố nhưng xét thấy anh C là C nhân lái máy xúc tại thành phố Hải Dương nên nếu cùng 1 lúc phải chăm sóc cả 2 con sẽ có Nền khó khăn. Chị T hiện có C việc ổn định nên đảm bảo về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng cháu N. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm giao cho anh C nuôi dưỡng cháu Lương Tuấn A, chị T nuôi dưỡng cháu Lương Thị Yên N là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, xem xét quan điểm của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xác minh thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Lương Văn C kháng cáo trong thời gian luật định, nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét kháng cáo của anh Lương Văn C, Hội đồng xét xử thấy:

Anh C kháng cáo cho rằng thực tế do chị T thiếu sự quan tâm đến các con. Bản thân anh luôn là người chăm sóc, tạo điều kiện tốt nhất cho các con. Mặt khác cháu N cũng có nguyện vọng được ở với bố nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giao cháu N cho anh nuôi dưỡng. Tuy Nền chị T không thừa nhận mà cho rằng chị luôn quan tâm đến các con, việc chị không tiếp xúc được với các con là do gia đình anh C ngăn cản. Hiện tại chị có C việc và thu nhập ổn định từ 14 đến 15 triệu đồng/1 tháng nên chị hoàn toàn có khả năng nuôi dưỡng, đảm bảo cuộc sống cho cháu N. Bên cạnh đó bố mẹ đẻ chị T cũng có quan điểm sẽ hỗ trợ chị T về việc chăm sóc cháu N nếu cháu N được ở với mẹ. Xét thấy cả 2 anh chị đều chứng minh được điều kiện nuôi con, nhưng do cháu N là con gái và đang ở độ tuổi phát triển tâm sinh lý nên cần sự chăm sóc của mẹ hơn. Trên thực tế cả anh C và chị T hiện đều là C nhân nên nếu giao cho cả 2 con chung cho 1 người nuôi dưỡng thì khó khăn trong việc chăm sóc cho con chung. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm giao cho anh C nuôi cháu Tuấn A, giao cho chị T nuôi cháu Yên N là phù hợp của pháp luật và đảm bảo được quyền lợi của các con. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh C.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên anh C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xét và đã có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 289; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Lương Văn C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2020/HNGĐ - ST ngày 17/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hải Dương về phần nuôi con như sau:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1.Về quan hệ con chung: Giao cháu Lương Thị Yến N, sinh ngày 19/10/2007 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc từ tháng 4/2020 đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Giao cháu Lương Tuấn A, sinh ngày 10/12/2009 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc từ tháng 4/2020 đến khi cháu Tuấn A đủ 18 tuổi. Chị T, anh C đều tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha , mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.Về án phí phúc thẩm: Anh Lương Văn C phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm, đối trừ số tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0001435 ngày 19/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

3.Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 12/8/2020./.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Hải Dương
- TAND huyện K;
- Chi cục THA huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền